### DÈ 2 - THI NGOẠI LÀN 1

## Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

### Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xôa và mực đọ

1.	Sờ năn	tuyển	vů.	CHÓN	CÂU	SAL
		•				-

Phái biết mật độ bình thường, rất đặc biệt của mô vú Charle Same

Thực hiện kĩ thuật Velpeau khi thăm khám: lòng bản tay phẳng, ep nne b. vào tuyển vù



Khám ở cả hai tư thế: ngồi và nằm

Khả năng phát hiện ung thư vù qua sờ nắn là dưới 50%

Đôi khi nên theo sự hướng dẫn của bệnh nhân để để tìm ra tồn thương -

2. Phân độ vỡ tụy theo Moore có mấy độ Gan 6, lách 5, tá tràng 5, tụy 4

Triệu chúng cơ năng thường gặp trong viêm ruột thừa . Dau bung

Chán ăn

C. Buổn nôn

d. Tiêu lông

Ċ. Sốt

Bệnh nhân nam, 25 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chủng xuất huyết trong ở bụng. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

· Ruột

Tuy

Thận

Lách.

Gan

Mật vùng đực trước gan là triệu chứng của 5.

Viêm tụy cấp

Viêm phúc mạc

Thúng dạ dày Hep môn vị

Tắc ruột

Triệu chúng lâm sàng của ung thư tế bào gan. CHỌN CÂU SAI

60% có cảm giác tức nặng vùng dưới sườn phải 20% đau thực sự, 20% không đau

Bung háng sạn khoảng 20-50% lúc chấn doán khi có tăng áp TMC

Vàng da sớm hay gặp do u gây tắc nghẽn đường mật

Có thể sở thấy gan to d.

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chọn D→

# ĐÈ 2 - THI NGOẠI LẦN 1

## 13 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chon một cấu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- Chân ân, một mới, sựt cân
- 7. 30% ung thư dụi trùng di căn đến các hạch. Đại tràng có các chẳng hạch sau dày, CHON CÂU SAI
  - - Hạch dọc động mạch mặc treo ruột hạch dọc ĐM chủ bụng
    - Hạch ở thành đại tràng
    - Hạch cạnh đại tràng
    - Hach trung gian
    - Hach chinh
- 8. 'Yểu tổ thuận lợi của thoát vị ben-dùi. CHON CÂU SAI

Hút thuốc là

Tiểu khô

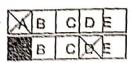
quan niệm mởi, YTNC chính là tiền sử gđ (cao tuổi), nằm, tuổi cao (>75), sự trao đổi chất collagen bất thường, mổ mở cắt TTL tận gốc, chỉ số BMI

- Cổ trưởng kéo dài
- Táo bón
- Làm việc nặng C.
- Có thể phân loại Việm phúc mạc theo các CẬP dữ kiện sau. CHỌN CÂU SAI
  - Nguyên phát -- thứ phát
- Hòa học cơ học
- Cấp tính mạn tính
- Vì trùng thường vi trùng lao
- Nhiễm trùng vô trùng
- Bệnh nhân nam, 30 tuổi, bị tế xe máy. Vào viện được chẩn doán vỡ gan hạ phần thủy II và III. Chân doán độ vở gan của bệnh nhân này theo Moore
- 5
- 4
- 6 e.
- $<(\infty)$ . Lion.
- Đầu hiệu v<u>ở sản sọ g</u>ồm. NGOẠI TRÙ 11.
  - Dấu hiệu bằm máu sau tại (đấu Battle) a.
  - Tụ máu màng nhĩ, rách ống tai ngoài b. .
  - Dấu hiệu kính râm (mắt gấu trúc)
    - Chảy dịch não tùy ra tai mũi d.
    - Tụ máu nhàn cầu C.



- Ung thư thực quản khởi phát từ tế bào lát tầng trên niêm mạc thực quản, có rất 12. nhiều yếu tố nguy cơ. CHON CÂU SAL
  - Thực quản Barrett a.
  - Nghiện rượu, thuốc là b.

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chọn D→



DÉ 2 - THI NGOẠI LÀN 1

## Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Plummer-vinsion bao gồm thiếu máu nhước sắc, viem lưỡi thể Có tiền sử xạ trị vùng ngươ teo, viêm thực quản + nuốt nghẹn, thường gặp ở nữ, tỉ lệ hóa ác Bóng thực quản do hóa chất 10-16%) Hội chứng Plummer-Vinson: thường có ở nam giới, tỉ lệ hóa ác 40%

Khi nghi ngờ bệnh nhân bị viêm ruột thừa, ta cần làm xét nghiệm gì để chấn 13. đoán bệnh

Tổng phân tích nước tiểu

Công thức máu X-quang ngực thẳng

Chụp điện toán cắt lớp ổ bụng

X-auang bung đứng

Chẩn đoán thoát vị ben đùi thường dựa vào

Siêu âm bụng

Chup cắt lớp vi tính

Chụp cản quang phúc mạc

Chụp cộng hưởng từ Khám lâm sảng

Bệnh nhân nam, 28 tuổi, bị chấn thương bụng. Thăm khám thấy có hội chứng 15. viêm phúc mạc. Tạng có khả năng bị vỡ nhiều nhất là

Ruột non Da dày

Tá tràng

Gan

Dai trang

16. Rối loạn sinh lí bệnh trong tắc ruột phụ thuộc vào các yếu tổ sau đây. Điều nào KHÔNG đúng

Bệnh nhân có bệnh mạn tính xấu hơn người không bệnh mạn tính

Tắc ruột non xấu hơn tắc ruột giả

Bệnh nhân lớn tuổi xấu hơn trẻ tuổi

Bệnh nhân đến bệnh viện muộn xấu hơn đến sớm

Tắc ruột do thắt nặng hon do nghĩn

Lồng ruột ở người lớn thường có những đặc điểm sau đây. CHỌN CÂU SAI 17.

Thường lồng ruột diễn tiến theo kiểu mạn tính a.

Có thể không phân biệt được với tắc ruột do u đại tràng Ь.

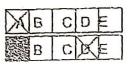
Thường có nguyên nhân cụ thể C.

Lồng đại tràng chiếm 1/3 trường hợp d.

Là nguyên nhân thường gặp của tắc ruột

Dây thần kính giữa chi phối cảm giác. CHỌN CÂU SAI 18.

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chọn D.→

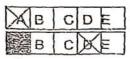


# ĐỂ 2 - THỊ NGOẠI LÂN I Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

# Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đỏ

- Nửa ngoài gan tay -
- Nira trong gan tay 6.
  - Mặt gan các ngón cái, chỏ và giữa
- Mặt mu đốt hai, ba ngón chỏ, giữa và nửa ngoài ngón nhẫn Mặt gan nữa ngoài ngón nhẫn.
- Các dấu hiệu trong thăm khám bệnh nhân viêm ruột thừa. CHỌN CÂU SAI 19.
  - Đề kháng thành bụng: ấn nông ở hố chậu phải, thấy cơ bụng mềm, ấn sâu hơn, thấy cơ bung co lại và bệnh nhân đau
  - Dấu cơ thặt lưng chậu: bệnh nhân nằm ngửa, đùi phải có, ta dùng tay ấn Ь. duỗi đùi rạ thì bệnh nhân đau hơn
  - Dấu cơ bịt: bệnh nhân ở tư thế nằm đùi gấp, gối gấp, xoay đùi ra ngoài, bệnh nhân thấy đau hơn ở vùng dưới rốn xoay đùi vào trong
  - Dấu Rovsing: ấn sâu hố chậu trái, bệnh nhân thấy đau ở hố chậu phải
  - Phản ứng đội: ấn nhẹ và sâu vào vùng hố chậu phải, bệnh nhân đau nhẹ, thả tay đột ngột bệnh nhân đau nhiều hơn
- 20. Khám chấn thương sọ não
  - Lưu ý đến khám mạch, huyết áp
  - Ь. Chi khám thần kinh
  - Rất quan tâm đến tình trạng hô hấp
  - Đặc biệt lưu ý đến khám cột sống và bụng d.
  - Phải khám toàn diên e.
- Trong giãn tĩnh mạch nguyên phát có hiện tượng
  - Hay bị ở tĩnh mạch cánh tay đầu a.
  - Có hiện tượng viêm đi kèm ·
  - Chỉ có tĩnh mạch nông bị giãn, còn tĩnh mạch sâu bình thường C.
  - Các tĩnh mạch giãn thấy rõ khi bệnh nhân nằm . d.
  - Suy van tĩnh mạch toàn bộ chi dưới
- Biến chúng của sỏi đường mật. NGOẠI TRÙ 22.
  - Viêm túi mật cấp a.
  - Suy thận cấp hội chứng gan-thận b.
  - Viêm mủ đường mất
  - Viêm gan cấp
  - Nhiễm trùng huyết sốc nhiễm trùng
  - Khi khám hệ thống động mạch, ngoài việc xác định tổn thương còn phải
    - Việc điều trị không cần phải dựa vào nguyên nhân
    - Ь. Việc xác định nguyên nhân phải dựa vào các xét nghiệm cận lâm sàng phức tạp và đất tiền

Cách chọn: chọn A→ Bò A, chon D→



# ĐÈ⁄2 - THI NGOẠI LẬN 1

Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đó

- Ở người lớn tuổi trên 50, nguyên nhân thường gặp nhất là tắc động mạch do xơ vữa. Ở người dưới 40, nên nghĩ đến bệnh Buerger
- Xác dịnh nguyên nhân của tổn thương d.
- Cần sinh thiết động mạch để xác định chân doán
- 24. Sỏi đường mật ở Việt Nam là sỏi sắc tố, sỏi có thể nằm ở ống mật chủ hoặc ở ống gan. Yếu tố thuận lợi là. CHỌN CÂU SAI
  - Tuổi thường gặp từ 40 60
  - Đời sống kinh tế thấp
  - C, , = Vệ sinh kém

Đã có tiền sử mố sói đường mật Nam giới gặp nhiều gấp đôi so với nữ giới

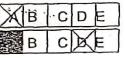
- Triệu chứng X-quang của tắc ruột non. CHỌN CÂU SAI
  - a: Nếp niêm mạc thường nằm sát nhau
    - Có chân rông
- Mực nước hơi chênh nhau trên cùng một quai ruột Nếp niêm mạc chiếm một phần của lòng ruôt
  - Mực nước hơi nằm giữa bung
- Ung thư đại tràng là bệnh thường gặp tại Việt Nam, yếu tố nguy cơ gây ra bệnh 26. này là. CHON CÂU SAI
  - Polyp có dường kính trên 1cm dễ bị ung thư 2cm
    - Da polyp dễ bị ung thư
    - Bệnh viêm loét đại trực tràng xuất huyết
    - Ăn nhiều mỡ, ít chất sợi từ thực vật
    - Polyp tuyển nhánh tỉ lệ họa ác cao hơn tuyển ống

Diểm túi mật là

- Giao diểm của bờ ngoài cơ thẳng bụng và đường liên bờ dưới xương a. sườn
- Diễm giữa của bờ dưới mạng sườn phải b.
- Điểm giữa của đường nổi rốn với điểm thấp nhất của bờ sườn phải
- Giao diễm của bờ dưới xương sườn phải và bờ ngoài cơ thẳng họng phải (d.)
- Diểm giữa của đường mũi ức và rốn
- Chần đoán xác định ung thư thực quản dựa vào cận lâm sàng nào là tốt nhất 28.
  - Nội soi thực quản Chup thực quản cản quang

    - X-quang ngực thẳng
    - Chup cắt lớp vi tính d.
    - Công hưởng từ C.

Cách chon: chọn A→ Bò A, chọn D→



### ĐỂ 2 - THI NGOẠI LẪN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

29. Ung thứ gan nguyên phát phần lớn bắt nguồn từ tế bào gan (phần còn lại từ tế bào ống mật), có rất nhiều yếu tố nguy cơ. CHỌN CÂU SAI

A (a)

Kháng thể chống việm gan C chiếm tỉ lệ thấp hơn 50% trong ung thư

- b. Kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HbsAg) chiếm tỉ lệ cao trong ung thư gan 81%
- c. Aflatoxin Bl có thể gây ung thư gắn.
- d. Nói chung, hơn 60% ung thư gan trên nền xơ gan
- c. Dioxin có thể gây ung thư gan
- 30. Sinh lý bệnh của hẹp môn vị. CHỌN CÂU SAI

Y (

Toan-chúyển hóa

- b. Suy thận trước thận
- c. Rội loạn dinh dưỡng
- d. Mất diện giải
- e. Mất nước
- 31. Thủ thuật thăm âm đạo hoặc thăm trực tràng cần thiết trong các bệnh cảnh nào sau đây. CHON CÂU SAI
  - a. Bí tiêu
  - h. Tiểu ra máu
  - c. Bón

Viêm ruột thừa cấp thể thường gặp

- e. Viêm phúc mạc chậu do viêm phần phụ
- 32. Xét nghiệm để chấn đoán xác định thủng ổ loét đạ đây thường được sử dụng là
  - a. Công thức máu

PED

Chụp bụng dứng không sửa soạn

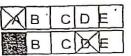
- c. Dinh lượng Urc và Creatinine
- d. Chụp ngực thẳng
- e. Chụp cắt lớp vì tính
- 33. Trong thùng ổ loét đạ dày tá tràng, tí lệ thấy hơi tự đo trên X-quang bụng dứng là
  - a. 50 60%
  - b. 60 70%

sách mới 50-70%

80 - 90%

- 70 80%
- 20-100%
- 34. Ung thư tụy thường xuất phát từ tế bào ống tuyến tụy, có nhiều yếu tố nguy cơ gây ung thư tụy. CHON CÂU SAI

Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D→



### ĐÈ 2 - THỈ NGOẠI LÀN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mưc đỏ

Thường gặp ở bệnh nhân trên 60 tuổi Thường gặp ở nữ nhiều hơn nam

Người da đen dễ bị hơn người da trắng

ď. Người hút thuốc lá dễ bị hơn người không hút

Bệnh nhân tiểu đường dễ bị hơn người không tiểu đường 2 lần

Phương pháp sinh thiết nào sau đây thường dùng cho hạch cổ

Sinh thiết qua ngả nội soi

Sinh thiết một phần

Sinh thiết bằng kìm bấm

Sinh thiết trọn

Sinh thiết bằng kim khoan.

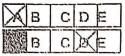


Chấn đoán Việm phúc mạc dựa vào triệu chứng nào sau đây là quan trọng nhất 36. Sốt cao

Phản ứng thành bung

- Dau bung
- d. Bạch cấu tăng rất cao
- Bí trung và đại tiên e.
- Các xét nghiệm thường làm trong viêm túi mất do sỏi. CHỌN CÂU SAI 37.
  - Siêu âm bung
  - Bilirubin, men gan
  - Chụp cắt lớp vi tính
    - Công thức máu
    - Amylase
- 38. Triệu chứng viêm túi mật, chon câu sai
  - Buồn nôn a.
  - Đau bụng vùng dưới sườn phải b.
- Nôn làm giảm đau
  - Sốt
  - Túi mật to và ân đau
- Cận lâm sàng nào có giá trị nhất trong chân đoán ung thư tuy 39.
  - Chụp đường mật
  - Chup động mạch
  - CA 19-9
  - Chup cắt lớp vi tính
    - Siêu âm
- 40. Xếp giai đoạn của ung thư dạ dày theo TNM. CHON CÂU SAI
  - Giai đoạn 1: ung thư còn khu trú ở thành da dày

Cách chọn: chọn A→ Bả A, chọn D-≯



ĐÈ 2 - THỊ NGOẠI LÂN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT) Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mưc đỏ Giai đoạn 2: ung thư đã xâm lấn các tạng lân cận Giai đoạn 3: ung thư đã ra khỏi dạ dày, lan tới các hạch chặng N2 Giai doạn 4: đã di căn xa Giai đoạn 0: ung thư khu trú ở lớp biểu mô của niêm mạc dạ dày Cận lâm sàng tốt nhất để chẩn đoán xác định ung thư da dày là X-quang da dày can quang Nội soi đạ dày CEA Chụp cắt lớp vi tính Siêu âm bụng Máu tụ ngoài màng cứng a. Nguồn chảy máu thường từ: động mạch màng não và tĩnh mạch dưới da Hiếm gặp ở tuổi nhũ nhi Bệnh nhân thường hôn mê ngay sau chấn thương Ít khi bệnh nhân có dấu hiệu nhức đầu X – quang sọ hiếm khi thấy nút hộp sọ Triệu chứng của hẹp môn vị. CHON CÂU SAI Nôn ra thức ăn chưa được tiêu hóa kèm cảm giác đẳng Bụng có hình lõm lòng thuyền Dấu hiệu Bouveret Cảm giác đầy bụng ậm ạch Đau bung Kỹ thuật khám hạch nách Sờ bằng các ngón tay cong rà sát vách trong của hố nách Kỹ thuật sở nắn giống sở nắn tuyến vú Người thầy thuốc ngồi phía sau bệnh nhân sở hạch nách dễ hơn Nhìn xem có hạch nách gây biến dạng hổ nách hay không là đủ Bệnh nhân cần gồng cơ ở vùng vai để hạch nách lộ rõ ra Thung da dày

d.

e.

Nghe trên thành bung để chẩn đoán

Tác ruôt

d,

e.

c.

41.

43.

d.

Viêm phúc mạc

d. Thoát vị ben nghet

Viêm tuy cấp

Theo thể kinh điển, viêm túi mật cấp do sởi diễn tiến theo mấy giai đoạn 46. 5 a.

Cách chọn: chọn A→ Bo A, chon D→

### + / ĐÈ 2/- THI NGOẠI LẬN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chon một cấu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực độ

b. 3

4 kẹt - viêm - viêm phúc mạc - thủng
c. 2

47. Nguy cơ thủng ruột tăng trong tháo lồng khi. CHỌN CÂU SAI

Triệu chứng tắc ruột rõ trên X quang bụng đứng

Trẻ < 6 tháng tuổi</li>

Tré > 3 tuổi

d. ,- Có dấu hiệu hoại tử ruột

Triệu chứng kéo dài > 72 giờ

(48.) X-quang vú-

Là xét nghiệm chính xác nhất trong chấn đoán ung thư vú أَنْ الْمُعْمَالِينَ Không có vai trò phụ giúp chẩn đoán các u vú có kích thước nhỏ

Hướng dẫn hữu ích cho sinh thiết

d. Không có hình ánh giả trên phim

Xêrô nhũ ký cho ít chỉ tiết hơn X quang

49. Các thành ông ben gồm có. CHON CÂU SAI

Thành dưới là dây chẳng ben và dài chậu mu

b. Thành sau là mạc ngang và một ít cần cơ ngang bụng

Thành trước là phần dưới cơ chéo ngoài

d. Thành trên là bờ dưới cơ chéo trong và cân cơ ngang bụng

(c.) Thành trong là bờ ngoài của cơ thẳng bụng

50. Vai trò của X-quang đại tràng bằng thụt tháo barýt hoặc bơm hơi. CHỌN CÂU SAI

a. Có khả năng chấn dóan nguyên nhân của lồng ruột

b. ' Chân đoán xác định lồng ruột

Giúp phân biệt lồng ruột với những nguyên nhân tắc ruột khác

Chân đoán được khả năng tổn thương máu nuôi đoạn ruột bị lồng hay

e. Giúp tháo lồng mà khôn cần mỗ

51. Nguyên nhân và yếu tố thuận lợi gây thủng ổ loét đạ dày. CHỌN CÂU SAÍ

a. Nhiễm Helicobacter pylori

b. O loét da dày không được điều trị tốt

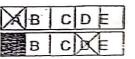
c.) Thuốc giảm đau họ paracetamol -

d. Thuốc kháng viêm Aspirin

e. Rươu và thuốc lá

Các nguyên nhân gây viêm ruột thừa bao gồm. CHỌN CÂU SAI

Cách chọn: chọn A→ Bỏ A, chọn D→



# ĐỀ 2 - THI NGOẠI LẬN I Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chọn một cấu phù hợp nhất. Không	ding hút chì hút xóa và mưc đỏ	
a. Phì dại các nang bạch	nuyet	
b. U thành ruột thừa	1	
C. Vật lạ như hạt chanh	,	
y 🕕 Viêm manh tràng		
c. Ú dọng sỏi phân		
(\$3) Có mấy diễm niệu quản		
3		
b. 1		20
e. "5		
$f_{a}$ d. $g$	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	
c. 4		
(54) Sinh thiất mật thà 13	The second secon	
Amidan	bấm thường áp dụng cho thương tổn ở	
A James Allindan	1	
b. Tuyến mang tại c. Hạch cô	$G_{i}$	
d. Tuyển giáp	Age Branch of Boys and Statement Trees	
c. Xương hàm dưới	and the second of the second o	
	IAD - OR Careful the greathirt and	
55. Liệt thần kinh mác chung. CH	ON CÂU SAI	
a. Bản chân "rủ"	the strength freezign strength to the ministration of	
Teo co gan chân	The second secon	
e. Teo eo khoang trước ng	oái căng chân	
d. Mất cảm giác mặt trước	ngoài cảng chân .	
e. Bước đi kiểu "chân ngựa	<b>ு</b> . அது செருந்து வரிய வரிய வரிய வரிய வரிய வரிய வரிய வரிய	
56. Giải thích cơ chế hình thành sỏ	i túi mật, Tam giác Small có ba thành phần là	
A. Lecithin, muối mật và ch	nolesterol	ı
	holesterol	
e. Lecithin, bilirubin và mu	ối mật	
	lesterol and mad_ conti a b .	
c. Cholesterol, lecithin và d	iện giải	
57. Cận lâm sàng để chần đoán xác	định ung thự đại trậng là	
a. Chụp đại tràng với barýt		
b. Siêu âm bụng	the form of the control of the second	
^ _	red Alberton in in Abril 1940, J. J.	
d. Chụp dại tràng đối quang	kep and the same of the kep and the same of the same of the kep and the same of the same o	
e. Chup cắt lớp vi tính	- phys independent of the	
58. Triệu chứng lâm sàng làm ta ngh	ũ đến ung thự đại tràng là	

Cách chọn: chọn A→ A Bò A, chọn D→

a. Tảo bón

B C DE

### ĐÈ 2 - THI NGOẠI LÀN 1 Y3 (NH 2012-2013) NGÀY 16/06/2012 (50 PHÚT)

Chon một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chỉ, bút xóa và mực đó

- b. Dau bung
- c. Tiêu chảy
- d. Chán ăn
- Tiêu ra máu
- Bệnh nhân nam, 30 tuổi, vào viện vì đau bụng đười sưởn phải 3 ngày, sốt 39°C. 59. Khám: Mạch 90lần/phút, Huyết áp 120/70mmHg, Vàng mắt. Ấn đau dưới sườn phải vừa, không để kháng, thượng vị và dưới sườn trái đau ít. Cần cho bệnh nhân này làm các xét nghiệm nào. Ngoại trừ
  - Công thức máu 3.
  - · Bilirubin, men gan ь.
  - Siêu âm bụng C.
  - d. Amylase
  - .X-quang bung
- Đairbung trong Viêm phúc mạc là
  - Đau liên tục, lăn lộn và giảm theo tùng lúc Đau liên tục, tăng lên khi ho và vận động .
    - Hết đau khi người bệnh nằm yên và ôm chặt bụng
  - Đau kèm theo nôn ói nhiều d.
  - Đau dữ đội, lãn lộn và giám khi bệnh nhân nằm tư thế gối-ngực e.